

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 272/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2016

THÔNG TƯ**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý
và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán***Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;**Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;**Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012; Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;**Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;**Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Căn cứ Quyết định số 29/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tự chủ về biên chế và kinh phí hoạt động của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,**Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán.***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quản lý và giám sát hoạt động chứng khoán; lệ phí cấp giấy phép, giấy chứng nhận hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nộp phí, lệ phí; tổ chức thu phí, lệ phí; các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến thu, nộp phí, lệ phí.

Điều 2. Tổ chức thu và người nộp phí, lệ phí

1. Tổ chức thu phí, lệ phí là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Người nộp phí, lệ phí là các tổ chức, cá nhân có các hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán được quy định trong Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư này. Riêng hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ, người nộp lệ phí là ngân hàng thương mại và doanh nghiệp bảo hiểm đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ.

Điều 3. Mức thu phí, lệ phí

Mức thu phí quản lý và giám sát hoạt động chứng khoán; lệ phí cấp giấy phép, giấy chứng nhận hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán thực hiện theo Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. kê khai, thu, nộp phí, lệ phí của người nộp

1. Phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán thu bằng đồng Việt Nam.
2. Thu, nộp lệ phí: Người nộp lệ phí phải nộp toàn bộ số lệ phí khi được cấp giấy phép, giấy chứng nhận hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.
3. Thu, nộp phí giám sát hoạt động chứng khoán: Sở Giao dịch chứng khoán (sau đây gọi tắt là Sở GDCK), Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi tắt là VSD) nộp phí giám sát cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hàng quý, thời gian nộp từ ngày 01 đến ngày 30 tháng đầu tiên của quý tiếp theo. Tiền phí giám sát nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được hạch toán vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp của Sở GDCK, VSD.
4. Thu, nộp phí quản lý công ty đại chúng chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch
 - a) Tổ chức được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng phải nộp phí quản lý công ty đại chúng chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch. Số phí phải nộp tính theo công thức sau:

Số phí phải nộp = 10 triệu đồng/12 tháng x Thời gian tính phí (tháng).

Thời gian tính phí: được tính từ tháng sau của tháng được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng đến hết tháng được Sở GDCK ra Quyết định chấp thuận niêm yết hoặc đăng ký giao dịch hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Thông báo hủy đăng ký công ty đại chúng.

- b) Thời gian nộp phí từ ngày 01/12 đến ngày 31/12 hàng năm.

Ví dụ 1, công ty A được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng kể từ ngày 15/6/2016. Đến tháng 12/2016 (từ ngày 01 đến ngày 31/12), công ty A phải nộp phí như sau: = 10 triệu đồng/12 tháng x 6 tháng (từ tháng 7 đến hết tháng 12) = 5 triệu đồng. Kể từ năm sau trở đi, công ty A phải nộp phí quản lý vào tháng 12 hàng năm với số phí 10 triệu đồng/năm.

Trường hợp công ty đại chúng được Sở GD&ĐT ra Quyết định chấp thuận niêm yết hoặc đăng ký giao dịch hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Thông báo hủy đăng ký công ty đại chúng khác với thời gian nộp phí (tháng 12 hàng năm) nêu trên, thì công ty phải nộp phí cho thời gian chưa nộp phí theo quy định. Thời hạn nộp phí trong 30 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định hoặc Thông báo.

Ví dụ 2, công ty B được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng kể từ ngày 15/4/2016. Đến ngày 20/10/2016, công ty B được chấp thuận niêm yết chính thức (hoặc hủy đăng ký công ty đại chúng), số phí phải nộp là: $10/12 \times 6 \text{ tháng} = 5 \text{ triệu đồng}$.

Ví dụ 3, công ty C được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng kể từ ngày 15/3/2016. Đến ngày 15/3/2017, công ty C được chấp thuận niêm yết chính thức (hoặc hủy đăng ký công ty đại chúng). Công ty nộp phí như sau:

Năm 2016: $10/12 \times 9 \text{ tháng} = 7,5 \text{ triệu đồng}$ (nộp trong tháng 12/2016).

Năm 2017: $10/12 \times 3 \text{ tháng} = 2,5 \text{ triệu đồng}$. Thời gian nộp kể từ ngày 15/3/2017 đến ngày 15/4/2017. Trường hợp năm 2016 chưa nộp thì công ty C phải nộp số tiền là 10 triệu đồng.

5. Thu, nộp phí quản lý đối với quỹ mở

a) Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận hoạt động quỹ mở, công ty quản lý quỹ phải nộp phí quản lý như sau:

- Trường hợp được cấp giấy chứng nhận từ ngày 01/01 đến ngày 30/06 hàng năm, mức phí phải nộp là 10 triệu đồng/quỹ;

- Trường hợp được cấp giấy chứng nhận từ ngày 01/7 đến ngày 31/12 hàng năm, mức phí phải nộp là 5 triệu đồng/quỹ;

b) Các năm tiếp theo, công ty quản lý quỹ phải nộp phí là 10 triệu đồng/quỹ, thời gian nộp từ ngày 01/12 đến ngày 31/12 hàng năm.

Điều 5. kê khai, nộp phí, lệ phí của tổ chức thu

1. Định kỳ chậm nhất là ngày thứ hai hàng tuần, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được trong tuần trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ. Tổ chức thu thực hiện nộp 5% số tiền phí thu được và 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước.

Điều 6. Quản lý và sử dụng phí

Tổ chức thu phí, lệ phí được để lại 95% số tiền phí thu được, để sử dụng theo quy định tại Quyết định số 29/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tự chủ về biên chế và kinh phí hoạt động của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Thông tư 67/2014/TT-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Vũ Thị Mai